

Số: *283*/KH-UBND

Hà Giang, ngày 10 tháng 11 năm 2016

KẾ HOẠCH
Xây dựng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới
tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020

Thực hiện Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Để đảm bảo bộ tiêu chí nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và của từng vùng trên địa bàn, UBND tỉnh ban hành kế hoạch xây dựng Bộ tiêu chí, như sau:

1. Mục đích

Nhằm xây dựng bộ tiêu chí cụ thể đối với các nhóm xã phù hợp với điều kiện đặc thù, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, gắn xây dựng nông thôn mới với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Yêu cầu

Trên cơ sở bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới của Trung ương, các sở, ngành căn cứ vào nhiệm vụ chuyên môn, quy định, hướng dẫn của các Bộ ngành, xây dựng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020, đảm bảo phù hợp với từng loại xã và địa bàn của tỉnh Hà Giang.

3. Nội dung bộ tiêu chí

Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020 sẽ được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa 06 tiêu chí với 13 chỉ tiêu mở theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ tiêu chí được xây dựng cho 02 nhóm xã: Nhóm xã vùng vùng 3; nhóm xã vùng 2 và các xã đã hoàn thành (cần phải nâng cao chất lượng các tiêu chí để được công nhận lại).

4. Phân công tham mưu xây dựng bộ tiêu chí quốc gia về xã xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016- 2020

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 1 về Quy hoạch và thực hiện theo quy hoạch; tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư.

- Sở Giao thông Vận tải chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 2 về Giao thông.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 3 về Thủy lợi; tiêu chí số 13 về tổ chức sản xuất.

- Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 4 về Điện; tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 5 về Trường học; Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa; tiêu chí số 16 về Văn hóa.

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan phụ trách tham mưu xây dựng tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông.

- Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 10 về Thu nhập.

- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 11 về Hộ nghèo; tiêu chí số 12 về lao động có việc làm;

- Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 15 về Y tế.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

- Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tham mưu xây dựng tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh.

5. Nhiệm vụ cụ thể

- Các Sở, ngành căn cứ tiêu chí được phân công chủ trì tại điểm mục 4 nêu trên, có trách nhiệm tham mưu xây dựng bộ tiêu chí, quy định cụ thể cho từng nhóm xã phù hợp với điều kiện đặc thù, nhu cầu phát triển kinh tế xã hội (*dự thảo khung bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020 kèm theo*);

+ Đối với các tiêu chí ghi cụ thể (*UBND tỉnh quy định cụ thể để phù hợp với đặc thù, nhu cầu phát triển KTXH địa phương....*); Bao gồm các tiêu chí: Giao thông, Thủy lợi, Cơ sở vật chất văn hóa, Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Thông tin và truyền thông, Môi trường và an toàn thực phẩm. Yêu cầu các Sở, ngành căn cứ điều kiện thực tế của từng loại xã, tham mưu cho UBND tỉnh cụ thể từng nội dung trong tiêu chí đảm bảo phù hợp với điều kiện đặc thù, nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của các nhóm xã.

+ Đối với các tiêu chí còn lại, yêu cầu các xã Sở, Ngành, căn cứ vào bộ tiêu chí quốc gia (Quyết định số 1980/QĐ-TTg) và điều kiện cụ thể của từng loại xã, nghiên cứu tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các chỉ tiêu cụ thể của tỉnh theo nhóm xã (nhưng không hạ thấp so với bộ tiêu chí của TW).

6. Tiến độ thực hiện

- Các Sở, ngành hoàn thành và gửi kết quả tham mưu xây dựng bộ tiêu chí về cơ quan thường trực Ban chỉ đạo Chương trình MTQG XDNTM tỉnh (Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh) **trước ngày 10/12/2016.**

- Giao cho Văn phòng điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh tổng hợp thành dự thảo bộ tiêu chí của tỉnh; xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị lấy ý kiến tham gia của các ngành, các huyện, thành phố và hoàn thành báo cáo UBND tỉnh trước ngày 20/12/2016./.

Nơi nhận:

- T.Tr Tỉnh ủy; (b/c)
- CT, PCT UBND tỉnh phụ trách;
- Các Sở, ngành: Xây dựng, GTVT, NN và PTNT, Công thương, TN và MT, Giáo dục và ĐT, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Lao động - TBXH, Nội vụ, Công an, Thống kê;
- Văn phòng điều phối NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP (Đ/c Sang, Hùng);
- VNPTioffice;
- Lưu: VT, NNTNMT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Tiến

BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH HÀ GIANG
CHƯA ĐƯỢC THUỐC GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)



Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Ghi chú
					Xã 135 ^[4]	Xã còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8
I. QUY HOẠCH							
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã[1] được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt				
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt				
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI							
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh	Đạt				

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Ghi chú
					Xã 135 ^[4]	Xã còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8
		và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ					
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt				
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%				
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥70%				
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định[2]	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%				
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet					
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn					
		8.4. Xã có ứng dụng công					

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Ghi chú
					Xã 135 ^[4]	Xã còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8
		nghe thông tin trong công tác quản lý, điều hành					
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không				
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥75%				
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT							
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (triệu đồng/người)	≥36				
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤12%				
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	Đạt				
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt				
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt				
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG							
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở	Đạt				
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥70%				
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%				

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Ghi chú
					Xã 135 ^[4]	Xã còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	Đạt				
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt				
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 26,7\%$				
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt				
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	$\geq 90\%$ ($\geq 50\%$ nước sạch)				
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%				
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt				
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	UBND cấp tỉnh quy định cụ thể				
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt				
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ^[3]	$\geq 70\%$				
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 60\%$				
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh	100%				

Số TT	Tên tiêu chí		Trung du miền núi phía Bắc	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng		Ghi chú
					Xã 135 ^[4]	Xã còn lại	
					6	7	
1	2		4	5			8
		thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm					
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ							
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt				
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt				
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt				
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%				
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt				
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt				
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt				
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt				

Ghi chú:

[1] Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.

[2] Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

[3] Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “*Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch*” do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

[4] Theo Quyết định số: 205/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 của Thủ tướng Chính Phủ V/v phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.

Cột 4: Các chỉ tiêu, hướng dẫn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Cột 5: Xác định chỉ tiêu cho cả tỉnh (có thể cao hơn hoặc thấp hơn các chỉ tiêu của cột 7).

Cột 7: Bao gồm cả xã đã hoàn thành 19 tiêu chí trong xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020.

Seal of the Ministry of Education and Training of Vietnam, featuring a central emblem with a book and a torch, surrounded by the text "BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO" and "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM".

[illegible]